

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ
(UNDERGRADUATE CURRICULUM FOR INTERNATIONAL ECONOMICS
MAJOR)

*(Ban hành theo Quyết định số 346/QĐ-HVCSPT ngày 27 tháng 7 năm 2015
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO:	52310106
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO :	CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH:	KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành kinh tế quốc tế có kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản lý và kiến thức chuyên môn về kinh tế quốc tế. Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt. Có khả năng tư duy độc lập và năng lực tự tìm tòi, bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức: Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội nói chung, các kiến thức chuyên môn sâu về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, thị trường quốc tế, tài chính quốc tế, luật kinh tế quốc tế.

1.2.2. Mục tiêu kỹ năng: Có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế quốc tế để tham gia vào quá trình phân tích, hoạch định chính sách và hoạt động quản lý liên quan đến lĩnh vực quan hệ kinh tế quốc tế của quốc gia với các nước, khu vực và các tổ chức kinh tế quốc tế.

1.2.3. Về thái độ: Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc.

1.2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp: Đảm nhiệm các vị trí chuyên môn tại các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội từ Trung ương đến địa phương; các khu chế xuất, khu công nghiệp; các tổ chức tài chính; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; các tổ chức quốc tế; các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp về kinh tế, kinh tế quốc tế.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ và tin học: Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

- 2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:** 4 năm
- 3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:** 120-140 tín chỉ
- 4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
- 5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:** Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
- 6. THANG ĐIỂM:** Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

7. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

<i>7.5. Kiến thức Giáo dục đại cương:</i>	38 - 40 tín chỉ
<i>7.2. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc:</i>	50 - 52 tín chỉ
<i>7.4. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn:</i>	8 tín chỉ
<i>7.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc:</i>	23 tín chỉ
<i>7.3. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn:</i>	6 tín chỉ
<i>7.6. Kiến thức lựa chọn tốt nghiệp:</i>	6 tín chỉ
<i>Tổng số tín chỉ:</i>	<i>131 - 135 tín chỉ</i>

8. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO - Kinh tế đối ngoại				
TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
1. Giáo dục đại cương			38	
1	TOCC01	Toán cao cấp 1	2	1
2	TOCC02	Toán cao cấp 2	2	2
3	THDL04	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	2
4	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	2
5	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	3
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3
7	THNL01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	3	1
8	THNL02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	2
9	LUDC01	Pháp luật đại cương	3	1
10	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	4
11	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
Giáo dục quốc phòng			8	
1	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8	2
Giáo dục thể chất				
1	GDTC04	Giáo dục thể chất 4	1	4
2	GDTC05	Giáo dục thể chất 5	1	5
Lựa chọn GDTC1			1	
1	GDTC01	Giáo dục thể chất 1	1	1
2	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	2	1
Lựa chọn GDTC2			1	
1	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	2	2
2	GDTC02	Giáo dục thể chất 2	1	2
Lựa chọn GDTC3				
1	GDTC03	Giáo dục thể chất 3	1	3
Lựa chọn Tiếng Anh 1			3	
1	NNCS01	Tiếng Anh tổng quát 1	4	1
2	NNCS10	Tiếng anh tổng quát 1	3	1
Lựa chọn Tiếng Anh 2			3	

1	NNCS02	Tiếng Anh tổng quát 2	4	2
2	NNCS11	Tiếng anh tổng quát 2	3	2
Lựa chọn TTHCM			2	
1	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1
2	THTT03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	1
2. Cơ sở ngành bắt buộc			50	
1	CSCS11	Chính sách công	3	3
2	KHPD13	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	3	5
3	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	4
4	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3	3
5	QHDL07	Địa lý Kinh tế	3	3
6	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4
7	KHKT11	Kinh tế phát triển	2	4
8	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	4
9	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3	5
10	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	4
11	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	2
12	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
13	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	2
14	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	5
Lựa chọn Kinh tế quốc tế			4	
1	ĐNQT01	Kinh tế quốc tế	4	5
2	ĐNQT03	Kinh tế quốc tế 1	2	5
3	ĐNQT04	Kinh tế quốc tế 2	2	5
Lựa chọn Tiếng Anh 3			3	
1	NNCS03	Tiếng Anh tổng quát 3	4	3
2	NNCS12	Tiếng anh tổng quát 3	3	3
Lựa chọn Tiếng Anh 4			3	
1	NNCS13	Tiếng anh tổng quát 4	3	4
2	NNCS04	Tiếng anh tổng quát 4	4	4
3. Cơ sở ngành lựa chọn			8	
1	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	4
2	TCCO20	Quản lý tài chính công	2	4
3	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	4
4	QTHO18	Quản trị học	2	3

5	QTHO06	Quản trị học	3	3
6	TCDN24	Tài chính doanh nghiệp	2	3
7	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	6
4. Chuyên ngành bắt buộc			23	
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	ĐNĐP06	Đàm phán kinh tế quốc tế	3	6
3	ĐNĐT07	Đầu tư quốc tế	4	5
4	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	3	5
5	LUQT04	Pháp luật kinh tế quốc tế	3	7
6	TCQT12	Tài chính quốc tế	3	6
7	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	3	6
5. Chuyên ngành lựa chọn			6	
1	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	3	7
2	ĐNMA05	Marketing quốc tế	3	7
3	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	3	6
4	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	6
5	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3	7
6	ĐNTT01	Thanh toán quốc tế	3	7
7	TCTH11	Thuế	3	7
8	ĐNTC04	Toàn cầu hóa và các rủi ro	3	
6. Lựa chọn tốt nghiệp			6	
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
TỔNG		(Không bao gồm GDTC & GDQP)	131 => 135 tín chỉ	